TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 12/2018/DS-ST.
Ngày: 25/7/2018.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Hợp hợp đồng mua bán tài sản*"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan.

2 Ông Nguyễn văn Kiểm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 103/2018/TLST-DS, ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị M. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ *Bị đơn*: Ông Lê Anh T. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T1, xã V , huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị T. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T1, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

2/ Ông Ngô Chí C. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện lập ngày 04/5/2018, bản tự khai ngày 06/6/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày*:

Tôi và vợ chồng ông Lê Anh T là hàng xóm với nhau đồng thời có quan hệ nhau trong việc mua bán tài sản và vay tài sản. Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2016 tôi và ông Lê Anh T nhiều lần xác lập quan hệ mua bán và vay tài sản với nhau theo phương thức mua bán phân bón hoặc cho vay tiền, đến cuối vụ cà phê hàng năm thanh toán, nếu không trả hết nợ sẽ cộng sổ vào năm sau cụ thể như sau:

Vào ngày 15/5/2014 tôi bán nợ cho ông Lê Anh T 300 kg phân bón với giá 11.000 đồng/kg thành tiền 3.300.000 đồng.

Vào ngày 12/2/2015 tôi bán nợ cho ông Lê Anh T 1000 kg phân lân bột với giá 3.600 đồng/kg thành tiền 3.600.000 đồng.

Vào ngày 11/5/2015 tôi cho ông Lê Anh T vay 8.780.000đ *(Tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng)* với lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng.

Vào ngày 25/5/2015 tôi bán nợ tiếp cho ông Lê Anh T 300 kg phân NPK với giá 9.000 đồng/kg thành tiền 2.700.000 đồng.

Vào ngày 16/01/2016 tôi cho ông Lê Anh T vay 10.609.000đ (*Mười triệu sáu trăm lẻ chín nghìn đồng)* với lãi suất 3%/1 tháng.

Tổng cộng các lần mua bán và vay tiền là 28.989.000 đồng *(Hai mươi tám triệu chín trăm tám mươi chín nghìn)*. Trong mỗi lần mua bán hoặc vay tiền tôi đều ghi vào sổ và ông T ký nhận nợ, sau nhiều lần tôi yêu cầu ông T trả nợ, nhưng ông T không chịu trả. Đến cuối năm 2016 tôi yêu cầu cộng các khoản nợ nói trên vào một chỗ và hẹn thời gian trả nợ, nhưng ông T không đồng ý và nói trả khoản nào gạch sổ khoản đó. Hiện tại ông Lê Anh T vẫn còn nợ tôi số tiền là 28.989.000 đồng *(Hai mươi tám triệu chín trăm tám mươi chín nghìn)*. Trong đó tiền mua phân bón là 9.600.000đ, tiền vay là 19.389.000đ. Do nguyện vọng của tôi là yêu cầu vợ chồng

ông Lê Anh T và vợ là Nguyễn Thị T phải trả số tiền gốc là 28.989.000 đồng (*Hai mươi tám triệu chín trăm tám mươi chín nghìn*) và tiền lãi theo quy định pháp luật.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2018, tại các buổi làm việc tiếp theo cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Lê Anh T trình bày:*

Tôi và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng, còn tôi với bà Nguyễn Thị M chỉ có quan hệ vay mượn và mua bán tài sản ngoài ra không có quan hệ gì khác.

Trong thời gian từ tháng 02/2014 đến đầu tháng 01/2016 tôi có vay và mua của bà Nguyễn Thị M một số tài sản tổng cộng là 28.989.000đ (*Hai mươi tám triệu chín trăm tám mươi chín nghìn)*. Cụ thể như sau:

- Vào ngày 15/5/2014 tôi mua nợ của bà Nguyễn Thị M 300 kg phân bón NPK với giá 11.000 đồng/kg thành tiền 3.300.000đ *(Ba triệu ba trăm nghìn đồng)*

- Vào ngày 12/2/2015 tôi mua của bà Nguyễn Thị M 1000 kg phân lân bột với giá 3.600 đồng/kg thành tiền 3.600.000đ *(Ba triệu sáu trăm nghìn đồng)*

- Ngày 11/5/2015 tôi của bà Nguyễn Thị M vay 8.780.000đ *(Tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng)* với lãi suất 3%tháng.

- Ngày 25/5/2015 tôi mua của bà Nguyễn Thị M 300 kg phân NPK với giá 9.000đ/kg thành tiền 2.700.000đ *(Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).*

- Ngày 16/01/2016 tôi vay của bà Nguyễn Thị M vay 10.609.000đ (*Mười triệu sáu trăm lẻ chín nghìn đồng)* với lãi suất thỏa thuận miệng 3% tháng.

Trong các lần vay hoặc mua tài sản của bà M tôi đều ký vào sổ của của bà Mai.

Tuy nhiên sau khi vay và mua tài sản của bà M tôi đều thanh toán tiền đầy đủ cho bà M. Song do tôi tin tưởng bà M nên khi trả tiền tôi không yêu cầu bà M viết biên nhận và cũng không yêu cầu bà M gạch sổ. Tôi khẳng định hiện tại tôi không nợ bà M bất kỳ khoản tiền nào nữa cả. Vì vậy, tôi không chấp nhận trả cho bà Nguyễn Thị M bất kỳ khoản tiền nào nữa.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2018 và tại các buổi làm việc tiếp theo cũng như tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Tôi là vợ của ông Lê Anh T. Tôi biết từ tháng 02/2014 đến đầu tháng 01/2016 ông Tuấn chồng tôi có vay tiền và mua phân bón của bà Nguyễn Thị M nhiều lần. Vì

các lần vay tiền hay mua phân bón của bà M ông T đều có báo với tôi và có đem về sử dụng trong gia đình. Cụ thể từ tháng 02/2014 đến đầu tháng 01/2016 ông Tuấn chồng tôi có vay và mua của bà Nguyễn Thị M số tài sản trị giá là 28.989.000đ *(Hai mươi tám triệu chín trăm tám mươi chín nghìn).* Tuy nhiên, theo tôi được biết sau khi vay và mua số tài sản trên của bà M thì ông T đã trả hết toàn bộ số nợ trên cho bà M. Vì vậy, tôi không chấp nhận cùng ông T trả bất kỳ khoản nợ nào cho bà M nữa.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Trí C trình bày:

Tôi là chồng của bà Nguyễn Thị M, tại địa phương mọi người thường gọi vợ chồng tôi là M C. Do vậy, trong quá trình bà M và ông T mua bán và vay mượn tài sản của bà M thì ông T đã viết trong giấy vay mượn hay mua bán ông T đã ghi trong giấy vay là nợ M C. Trên thực tế trong gia đình tôi tôi làm nông vợ tôi buôn bán. Do đó việc liên quan đến tiền bạc vay mượn giữa bà M với ông T tôi không biết và không liên quan gì. Do vậy, tôi yêu cầu Tòa án buộc ông T bà T trả nợ cho bà M chứ không liên quan gì đến tôi

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền gốc là 28.989.000 đồng (*Hai mươi tám triệu chín trăm tám mươi chín nghìn*) và tiền lãi theo mức lãi 10%/năm tính từ ngày khởi kiện đến nay.

Bị đơn ông Lê Anh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm ông T bà T không còn nợ bà M bất kỳ khoản nợ nào nên không chấp nhận trả nợ theo yêu cầu của bà M.

Ông Ngô Trí C vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án buộc ông T bà T trả nợ cho bà Nguyễn Thị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015; Điều 428, 429, 438, Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân

sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền vay gốc là 19.389.000 đồng và tiền mua phân bón là 9.600.000đ. Tổng cộng là 28.989.000đ *(Hai mươi tám triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng)* và khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về hình thức**:** Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M lập ngày 04/5/ 2018, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng mua bán tài sản*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

Xét thấy tại thời điểm bà Nguyễn Thị M khởi kiện ông Lê Anh T đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn T1, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Xét về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M yêu cầu ông Lê Anh T và Bà Nguyễn Thị T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Mai tổng số tiền là 28.989.000đ. Trong đó, tiền vay là 19.389.000đ; tiền mua phân bón ba đợt là 9.600.000đ. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 11/5/2015 ông Lê Anh T vay của bà Nguyễn Thị M số tiền 8.780.000đồng và giấy vay tiền ngày 16/01/2016 thì ông Lê Anh T vay của bà Nguyễn Thị M số tiền 10.609.000đồng. Ông T thừa nhận chữ ký và chữ viết Lê Anh T trong ai giấy vay tiền nói trên là do ông T viết và ký tên bên phía người vay. Như vậy, việc ông T vay của bà M tổng số tiền là 19.389.000đ là đúng thực tế. Các đương sự tham gia giao dịch là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ việc làm của mình. Khi thực hiện hợp đồng vay tài sản, thì bên cho vay (bà

M) và bên vay (ông T) được lập thành văn bản ông T là người trực tiếp viết và ký vào văn bản này. Bản thân ông T thừa nhận chữ ký bên người mượn trong giấy vay nợ mà bà M dùng để khởi kiện bà là do ông T ký và viết ra.

Mặc dù trong quá trình giả quyết vụ án ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị T cho rằng sau khi vay nợ số tiền trên của bà M thì ông đã trả hết các khoản nợ nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Tuấn bà Thủy không có chứng cứ để chứng minh cho việc ông Tuấn đã trả hết số nợ trên cho bà M, bản thân bà M không thừa nhận việc ông T đã trả nợ cho bà. Do đó, HĐXX không có căn cứ để xác định sau khi vay tiền ông T đã trả hết toàn bộ các khoản nợ cho bà M.

Như vậy, căn cứ vào giấy vay tiền ngày 11/5/2015 và giấy vay tiền ngày 16/01/2016 thì ông Lê Anh T vay của bà Nguyễn Thị M tổng cộng 19.389.000đ là đúng thực tế. Từ ngày vay đến nay ông T chưa trả cho bà M được bất kỳ khoản tiền nào cả. Như vậy ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Tại Điều 474 quy định như sau:

1.“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Ngoài số tiền nói trên trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà M còn yêu cầu ông T và bà T trả số tiền 9.600.000đ mà ông T đã mua phân bón của bà M. HĐXX xét thấy căn cứ vào giấy mua phân bón ngày 15/5/2014 thì ông Lê Anh T có mua của bà Nguyễn Thị M 300 kg phân bón NPK với giá 11.000 đồng/kg thành tiền 3.300.000đ, giấy mua phân ngày 12/2/2015 ông Lê Anh T có mua của bà M 1000 kg phân lân bột với giá 3.600đồng/kg thành tiền 3.600.000 đồng và ngày 25/5/2015 ông Lê Anh T mua tiếp của bà M 300 kg phân NPK với giá 9.000 đồng/kg thành tiền 2.700.000 đồng. Tổng cộng cả ba lần nói trên ông T đã mua của bà M số phân bón có giá trị 9600.000đ. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Lê Anh T thừa nhận chữ ký chữ viết trong giấy mua bán là do ông T là do ông T ký và viết ra.

Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị T cho rằng sau khi mua số phân bón nói trên của bà M thì ông Tuấn đã trả hết các khoản nợ nêu trên cho bà M. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa

hôm nay ông T bà T không có chứng cứ để chứng minh cho việc ông T đã trả số nợ trên cho bà M. Do đó, HĐXX không có căn cứ để xác định sau khi vay tiền ông Tuấn đã trả hết toàn bộ các khoản nợ cho bà M.

Vì vậy, HĐXX đã đủ cơ sơ để kết luận 15/5/2014 thì ông Lê Anh T có mua của bà Nguyễn Thị M 300 kg phân bón NPK với giá 11.000 đồng/kg thành tiền 3.300.000đ ngày12/2/2015 ông Lê Anh T có mua của bà M 1000 kg phân lân bột với giá 3.600 đồng/kg thành tiền 3.600.000 đồng và ngày 25/5/2015 ông Lê Anh T mua tiếp của bà M 300 kg phân NPK với giá 9.000 đồng/kg thành tiền 2.700.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà ông T đã mua của bà M với số tiền là 9.600.000đ bà Nguyễn Thị M đã giao đủ số lượng phân bón cho ông T, nhưng sau khi mua phân của bà M ông T chưa thanh toán tiền cho bà M. Do ông Tuấn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Nguyễn Thị M khởi kiện là có căn cứ.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà M là hoàn toàn có đầy đủ cơ sở pháp lý. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 428, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 436; Điều 471 và khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 để buộc bị đơn ông Lê Anh T phải trả cho M số tiền nợ gốc 19.389.000đ *(Mười chín triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn đồng)* và 9.600.000đ (*Chín triệu sáu trăm nghìn đồng)* tiền mua phân bón là có cơ sở

[3] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị M và ông Lê Anh T đều thừa nhận mặc dù trong hợp đồng vay đều không thể hiện lãi suất. Tuy nhiên trên thực tế khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất 3.000đ/1000.000đ/ngày. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nguyên đơn yêu cầu HĐXX áp dụng lãi suất 10%/năm tức là 0.85%/tháng là bằng mức lãi do Ngân hàng nhà nước quy định đối với số tiền 289.989.000đ tính từ ngày Ban tự quản thôn T1 hòa giải đến ngày xét xử. Xét thấy mức lãi mà bà M yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận, tiền lãi được được xác định như sau: Ngày Ban tự quản thôn T1, xã V tiến hành hòa giải là ngày 12/4/2018 ông T và bà T không thanh toán nợ cho bà M nên ông T bà T phải chịu tiền lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải. Như vậy, tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 13/4/2018 ngày xét xử là ngày 25/7/2018 là 102 ngày.

28.989.000đ x 0,85% x 102 ngày = 837.782đ

Như vậy, số tiền gốc và lãi cần buộc bị đơn ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M là 29.829.782đ. *(Hai mươi chín triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, bảy trăm tám mươi hai đồng)*. Trong đó tiền nợ gốc là 28.989.000đ, tiền lãi phát sinh là 837.782đ.

[4] Xét về trách nhiệm trả nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị T cùng thừa nhận ông T mua phân bón của bà M nhằm mục đích bón rẫy, còn số tiền ông T vay của bà M nhằm mục đích chi tiêu trong gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định như sau: " *Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận. Tuy nhiên trong trường hợp vợ hoặc chồng xác lập thực hiện giao dịch liên qua đến tài sản chung để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì được coi là có sự đồng ý của bên kia*". Căn cứ vào quy định nêu trên HĐXX xét thấy rằng: T bà T không ký vào hợp đồng vay nhưng khoản tiền ông Tuấn vay và mua tài sản của bà M nhằm mục đích chi tiêu sử dụng thiết yếu trong gia đình. Vì vậy, HĐXX cần áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 13 Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ để buộc bà Nguyễn Thị T và ông Lê Anh T có trách nhiệm liên đới trả trả số tiền nợ số tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà M là phù hợp.

[5]. Về án phí**:** Do Tòa án buộc ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị M tổng số tiền vay gốc là: 28.989.000 đồng và 837.782 đồng tiền lãi. Nên phải ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.494.639 đồng, theo mức tính 29.892.782 đồng x 5% = 1.494.639 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị M 725.000đ *(Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 11/5/2018 theo biên lai thu số AA/0005077.

[5]. Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 428, 429, 438, Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Buộc ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M tổng số tiền là 29.892.782đ (*Hai mươi chín triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi hai đồng)* trong đó tiền nợ gốc là 28.989.000 đồng và 837.782 đồng tiền lãi.

"Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015".

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị T phải chịu 1.494.639đ *(Một triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị M 725.000đ *(Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 11/5/2018 theo biên lai thu số AA/0005077.

Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Thi hành án huyện K;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.